

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No: 786/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2020  
Hanoi, 10 September 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
  - Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
  - Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
  - Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
  - Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 09/09/2020
  - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Componet Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	BID	560	2.4%
2	CTG	5,930	15.7%
3	EIB	1,540	2.7%
4	HCM	250	0.5%
5	HDB	2,230	6.8%
6	MBB	8,110	14.9%
7	SSI	1,130	1.9%
8	STB	8,880	10.3%
9	TCB	6,930	15.4%
10	VCB	1,720	14.7%
11	VPB	6,160	14.6%
II	Tiền/Cash (VND)	2,416,935	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value 965,254,500 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit 967,671,435 VND
- + Giá trị chênh lệch/ Cash Component 2,416,935 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason: *me*

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	15,800	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	40,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	CTG	25,550	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	17,800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	TCB	21,500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	VPB	22,900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 09/09/2020	Kỳ trước/Last Period 08/09/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	25	0	25
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	77,900,000	80,400,000	-2,500,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	9,710	9,710	0
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	778,007,833,830	771,044,461,373	6,963,372,457
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	967,671,435	959,010,524	8,660,911
của 1 CCQ/ per Share	9,676.71	9,590.10	86.61
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	949.15	954.50	-5.35

Đại diện tổ chức

Organization representative



*Tô Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC